

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/DS - ST

Ngày: 11/5/2020

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Trung Kiên.
2. Ông Nguyễn Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy, thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/5/2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 415/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 04 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:*

1. Ông Lâm Đăng T, sinh năm 1962

2. Bà Lâm Thị Lan H, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ thường trú: 78 A, phường B, Quận C, Tp.M

Cùng địa chỉ liên lạc: 172 đường số 1, khu dân cư S, xã D, huyện Đ, Tp.M

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Hoàng P, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: 50/5/3C E, phường G, quận Q, Tp.M

Hoặc ông Phan Thanh H1, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 18/2 đường HT 19, khu phố 2, phường I, Quận K, Tp.M

Ông P và ông H1 đại diện cho nguyên đơn theo giấy ủy quyền ngày 25/7/2019 tại Văn phòng công chứng C1

*Bị đơn:*

1. Bà Lâm Thị Bạch Y, sinh năm 1963

2. Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: 149/49 L, phường S, quận N, Tp.M

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Hoàng Đông T2, sinh năm 1977 (có mặt, theo giấy ủy quyền ngày 03/9/2019 tại Văn phòng công chứng P1).

Địa chỉ thường trú: 07 R, phường V, Quận X Tp.M.

Địa chỉ liên lạc: 411/47 U, phường V, Quận O, Tp.M

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn ông Phan Thanh H1 và ông Mai Hoàng P trình bày:

Ngày 02/5/2017 ông Lâm Đăng T và bà Lâm Thị Lan H có cho ông Nguyễn Thành T1 và bà Lâm Thị Bạch Y vay số tiền 40.000 USD để làm ăn với thời hạn là 04 năm. Hàng năm bà Y và ông T1 sẽ trả dân cho ông T và bà H theo khả năng của mình, lãi suất năm đầu tiên là 0%, bắt đầu từ năm thứ hai, lãi suất là 1%/năm/số tiền còn nợ. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán mặc dù đã được thông báo nhiều lần nhưng bà Y và ông T lẩn tránh không trả lời và không thanh toán tiền nợ gốc và lãi. Do đó, ông T và bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Bạch Y trả số tiền gốc đã vay là 40.000 USD (tương đương số tiền 927.600.000 đồng theo tỷ giá 23.190 VNĐ/1USD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam), trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Đặng Hoàng Đông T2 đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày như sau: Ông T1, bà Y xác nhận có mượn của ông T, bà H số tiền 40.000 USD theo giấy mượn tiền ngày 02/5/2017. Phía bị đơn không nhận được thông báo yêu cầu thanh toán tiền của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bị đơn đồng ý thanh toán số tiền 40.000 USD theo tỷ giá 23.190 VNĐ/1USD cho nguyên đơn trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Đại diện nguyên đơn xác định yêu cầu phía bị đơn trả số tiền 40.000 USD theo tỷ giá Việt Nam đồng do Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 11/05/2020 là 23.252 VNĐ/1USD tương đương số tiền 930.080.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả số tiền trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên nhân nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi tiền trước thời hạn là do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã gửi thông báo yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng Điều 23 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2013, Điều 123, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện bị đơn trình bày ý kiến: Xác nhận có mượn của nguyên đơn số tiền 40.000 USD và đồng ý thanh toán theo giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 02/05/2017. Bị đơn xác định không vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi vay cũng như tiền nợ gốc, vì cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa đến hạn thanh toán.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Pháp luật về tố tụng:

Nguyên đơn, ông Lâm Đăng T, bà Lâm Thị Lan H khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn, bà Lâm Thị Bạch Y, ông Nguyễn Thành T1 có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 40.000 USD, không yêu cầu trả tiền lãi. Do đó, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Đòi tài sản”.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lâm Đăng T, bà Lâm Thị Lan H khởi kiện yêu cầu phía bị đơn trả số tiền 40.000 USD theo tỷ giá USD của Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 11/5/2020 là 23.252 VNĐ/1USD tương đương số tiền 930.080.000 đồng.

Qua diễn biến tại phiên tòa, phần trình bày, tranh luận của các bên và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 02/05/2017 và sự thừa nhận của bị đơn thể hiện: Bị đơn có mượn và nhận của nguyên đơn số tiền 40.00 USD. Tuy nhiên, căn cứ theo Pháp lệnh Ngoại hối năm 2013 thì giữa cá nhân và cá nhân không được phép giao dịch bằng đồng tiền ngoại tệ nên giao dịch cho mượn tiền giữa ông T, bà H với ông T1, bà Y là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Như vậy, ông T, bà H yêu cầu ông T1, bà Y trả lại số tiền trên theo tỷ giá của đồng tiền Việt Nam đồng là phù hợp.

Theo giấy mượn tiền thì thời hạn cho mượn là 04 năm đến năm 2021 đến hạn trả tiền nhưng trong quá trình mượn tiền ông T1, bà Y vi phạm thỏa thuận mượn tiền. Đại diện bị đơn cho rằng phía bị đơn có thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn nhưng không nhớ rõ thanh toán số tiền bao nhiêu, thời gian nào và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả tiền lãi nên không có căn cứ chấp nhận. Ông T, bà H đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với bà Y, ông T1. Mặc dù, bị đơn cho rằng không nhận được thông báo yêu cầu thanh toán tiền ngày 03/5/2019 nhưng căn cứ vào phiếu báo phát của Bru điện B1 thể hiện bà Y, ông T1 đã nhận được thông báo. Như vậy, yêu cầu khởi kiện trước thời hạn của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải thành ngày 13/9/2019 bị đơn đồng ý thanh toán số tiền nêu trên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày ký biên bản. Sau đó, bị đơn thay đổi nội dung hòa giải thành với lý do: Đề nghị mỗi bên chịu ½ án phí, thay đổi phương án trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 40.000 USD theo tỷ giá 23.252 đồng/1 USD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 11/5/2020 (thông báo số 142-TB-NHNN ngày 11/5/2020) tương đương số tiền 930.080.000 đồng là có căn cứ.

2.3 Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 11 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 123, Điều 131, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 23 Pháp lệnh Ngoại hối sửa đổi, bổ sung năm 2013;

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 09/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Lâm Đăng T, bà Lâm Thị Lan H:

Buộc bà Lâm Thị Bạch Y và ông Nguyễn Thành T1 có trách nhiệm trả cho ông Lâm Đăng T, bà Lâm Thị Lan H số tiền 930.080.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu không trăm tám chục ngàn đồng).

Phương thức và thời hạn trả: Bà Lâm Thị Bạch Y, ông Nguyễn Thành T1 trả toàn bộ số tiền trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp, bà Lâm Thị Bạch Y và ông Nguyễn Thành T1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 39.902.400 đồng (ba mươi chín triệu chín lẻ hai ngàn bốn trăm đồng) do bà Lâm Thị Bạch Y và ông Nguyễn Thành T1 phải nộp. Hoàn lại cho bà Lâm thị Lan H, ông Lâm Đăng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.914.000 đồng (mười chín triệu chín trăm mười bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038943 ngày 7/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo:

Ông Lâm Đăng T, bà Lâm Thị Lan H, Lâm Thị Bạch Y, ông Nguyễn Thành T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- *Tòa án nhân dân Tp.HCM;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Tân Bình;*
- *Đương sự;*
- *Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Út**

